TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-PT
Ngày: 29-01-2018.
V/v tranh chấp "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Hoàng Hiệp**;

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Hằng –** Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 337/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Văn D**, sinh năm: 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Phạm Duy M**, sinh năm: 1976; (có mặt)

Địa chỉ: Số 2, Nguyễn H, Khu Phố 4, Phường 6, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
(Theo hợp đồng ủy quyền được công chứng số 000525 ngày 22/02/2017)

2. Bị đơn:

2.1. **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1954; (có mặt)

2.2. **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1941; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thé: **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1954;
(Theo hợp đồng ủy quyền được công chứng số 001118 ngày 13/4/2017)

2.3. **Huỳnh Thị A**, sinh năm: 1930; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Thành viên hộ ông Phạm Văn D:

3.1. **Trần Thị M**, sinh năm 1969; (có mặt)

3.2. **Huỳnh Thị A**, sinh năm 1930; (xin vắng mặt)

3.3. **Phạm Thị Xa P**, sinh năm: 1990; (xin vắng mặt)

3.4. **Phạm Rắc M**, sinh năm: 1994; (xin vắng mặt)

3.5. **Phạm Rắc X**, sinh năm: 1997; (xin vắng mặt)

3.6. **Phạm Rắc P**, sinh năm: 2001; (xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Rắc Phim: **Trần Thị M**, sinh năm: 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

* Thành viên trong hộ ông Huỳnh Văn T:

3.7. **Phạm Thị C**, sinh năm: 1955;

3.8. **Huỳnh Văn Tân**, sinh năm: 1991;

3.9. **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm: 1989;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, anh T, chị D: **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1954; (Theo hợp đồng ủy quyền được công chứng số 001118 ngày 13/4/2017) (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

3.10. **Huỳnh Thanh H**, sinh năm: 1987;

Người đại diện theo pháp luật của anh H: Huỳnh Văn T, sinh năm: 1954; (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Huỳnh Văn T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn ông Phạm Văn D và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Duy M cùng thống nhất trình bày:*

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 158 ngày 24/03/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất giữa anh Phạm Văn D và ông Huỳnh Văn T, theo đó bản án phúc thẩm giao cho anh D và vợ anh D là chị Trần Thị M được quyền sử dụng183,1m^2 đất tranh chấp loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp MX, xã TT, thị xã GCtỉnh Tiền Giang. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp đất Đặng Thị U có số đo 2,95m.

+ Hướng Nam giáp đất Phạm Văn D có số đo 4,99m.

+ Hướng Đông giáp phần đất giao cho hộ ông T có số đo 13,29m + 3m + 5,72m + 25,45m.

+ Hướng Tây giáp thửa 829 của ông D và thửa 830 của ông hộ ông T có số đo 20m + 5,05m + 11,4m + 13,55m + 3m + 10,46m + 9,6m.

Căn cứ vào bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật anh D đã làm đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án thị xã GC đã giao phần đất tranh chấp nêu trên cho anh D. Tuy nhiên, khi anh D thực hiện quyền sử dụng đất thì bị ông T ngăn cản với lý do trên phần đất anh D sử dụng có một số cây tạp do ông T và ông M (cha ông T) trồng nhưng trong bản án phúc thẩm không xem xét giải quyết nên ông T liên tiếp gây khó khăn trong việc sử dụng đất của anh D. Ngoài ra ông T còn đặt một số vật dụng gây cản trở quyền sử dụng đất của anh D như môtơ bơm nước và giăng lưới trên phần đất của anh D.

Do đó, anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M (ông M mất năm 1977) chặt bỏ một số cây tạp và di dời các vật dụng mà ông T trồng và đặt trên phần đất của anh D gồm: 03 cây me, 05 cây dừa, 01 bụi trăm bầu, 01 bụi bông mũ, 01 cây mai, 01 cây dầu gió, 01 bụi dâm bụt, về vật dụng gồm 01 môtơ bơm nước và lưới giăng. Thời gian thực hiện di dời ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Huỳnh Văn T trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu của anh D với những lý do sau:

- Những cây trồng và vật dụng nêu trên được tồn tại trên phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của ông do cha ông là ông Huỳnh Văn M để thừa kế lại cho ông sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay và đã được Ủy ban nhân dân huyện GCĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/1997.

- Trong số các cây trồng trên phần đất ông xác định có một số loại cây do cha ông trồng gồm 03 cây me, 01 bụi trăm bầu; các cây còn lại do ông trồng, tuổi thọ trung bình của các loại cây trên từ 10 đến 40 năm, ông đã khai thác thu hoạch sản phẩm của các loại cây trồng nêu trên một cách công khai mà không bị ai ngăn cản. Anh D cho rằng các loại cây trồng trên được trồng trên đất của anh D là hoàn toàn sai và bất hợp lý bởi vì không ai chấp nhận cho người khác trồng cây lâu năm trên phần đất của mình với khoản thời gian dài như vậy.

- Nguồn gốc sử dụng đất của ông hợp pháp và rõ ràng được anh chị em trong gia đình và hàng xóm xác nhận và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Nay ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị A trình bày:*

Cha bà là ông Huỳnh Văn M sinh năm 1913, mất năm 1977, mẹ là Nguyễn Thị S sinh năm 1912, mất năm 1996. Cha mẹ bà có 03 người con gồm: bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn T và bà. Khi cha mẹ còn sống có cho bà cất nhà ở gần bên. Bà đồng ý 03 cây me và 01 cây trăm bầu là do cha bà trồng, còn lại ông T có trồng

05 cây dừa, 01 bụi bông mũ, 01 cây mai, 01 bụi dâm bụt, đặt 01 mô tơ bơm nước và lưới giăng. Với tư cách là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà không có ý kiến gì, tùy Tòa quyết định. Bà không yêu cầu chia thừa kế đối với các cây trồng do ông Mão để lại. Bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Trần Thị M, chị Phạm Thị Xa P, anh Phạm Rắc M, anh Phạm Rắc X và anh Phạm Rắc P cùng trình bày*: Các anh chị là thành viên trong hộ anh Phạm Văn D. Các anh chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh D. Chị Xa P, anh Rắc M, anh Rắc X và anh Rắc P xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị C, anh Huỳnh Văn T, chị Trần Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị T và đại diện theo pháp luật của anh Huỳnh Thanh H là ông Huỳnh Văn T cùng thống nhất trình bày:* Các ông bà anh chị là thành viên trong hộ ông T, các ông bà anh chị thống nhất với lời trình bày của ông T.

Tại Bản án sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D.

Anh Phạm Văn D được quyền sở hữu: 02 cây me loại A, 01 cây me loại D, 01 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại B2, 02 cây dừa loại C, 01 cây trăm bầu đường kính gốc từ 30cm trở lên, 01 cây bạch đàn (dầu gió) có đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, 01 cây mai trắng đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, 01 bụi dâm bụt diện tích 1,6m^2, 01 bụi bông mũ (cẩm thạch) diện tích 0,8m^2 được trồng trên phần đất của anh D có diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Anh D có nghĩa vụ giao lại giá trị cây trên đất cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền là 2.659.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật dụng gồm: 01 môtơ bơm nước và lưới giăng vịt gồm 03 đoạn, mỗi đoạn có chiều ngang 2,1m, chiều dài số đo 03 đoạn là 4,1m ra khỏi phần đất của anh D đang sử dụng diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GòC, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian thực hiện giao tiền, nhận cây và tháo dỡ, di dời vật dụng nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/9/2017, ông Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã Gò

Công, không đồng ý di dời cây trồng, vật dụng khác ra khỏi phần đất có diện tích 183,1m^2 vì ông cho rằng phần đất này còn đang tranh chấp.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Duy M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Huỳnh Văn T nộp ghi ngày 11/9/2017 (BL 213, 215) còn trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản là đúng với tính chất vụ án thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 189 và 190 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 166 và 170 của Luật đất đai năm 2013.

[2] Về nội dung: Anh Phạm Văn D khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M chặt bỏ một số cây tạp và di dời các vật dụng mà ông M, ông T trồng và đặt trên phần đất của anh D gồm: 03 cây me, 05 cây dừa, 01 bụi trăm bầu, 01 bụi bông mũ, 01 cây mai, 01 cây dầu gió, 01 bụi dâm bụt, về vật dụng gồm 01 môtơ bơm nước và lưới giăng. Ông T thừa nhận có trồng và đặt các vật dụng trên diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang của anh D, nhưng không đồng ý tháo dỡ, di dời vì ông cho rằng phần đất này là của ông được ông Huỳnh Văn M để lại từ năm 1975 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, hiện nay diện tích đất này cũng đang còn tranh chấp.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Xét thấy, anh Phạm Văn D và chị Trần Thị M được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 183,1m^2, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo bản án dân sự phúc thẩm số 158/2016/DS-PT ngày

24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, trong quá trình anh D sử dụng đất thì bị ông T ngăn cản với lý do trên phần đất anh Dsử dụng có một số cây tạp do ông Tvà ông M (cha ông T) trồng nhưng trong bản án phúc thẩm không xem xét giải quyết, ngoài ra ông T còn đặt một số vật dụng gây cản trở quyền sử dụng đất của anh D như môtơ bơm nước và giăng lưới, sau nhiều lần yêu cầu ông T di dời các cây trồng vật dụng nêu trên nhưng ông T không thực hiện nên hai bên phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, ông T thừa nhận 03 cây me và 01 bụi trăm bầu là do cha ông trồng, còn lại các cây khác là do ông trồng và các vật dụng cũng do ông đặt, nhưng không đồng ý di dời vì cho rằng phần đất này là của ông. Do đó, Tòa sơ thẩm căn cứ vào biên bản thẩm định, định giá tái sản ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã GC (BL118, 119 và 120) đã tuyên buộc anh D được quyền sở hữu các loại cây trồng trên đất, nhưng có nghĩa vụ hoàn giá trị bằng tiền cho ông T và buộc ông T di dời các vật dụng là môtơ và lưới giăng là có căn cứ đúng pháp luật.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, ông T kháng cáo với nội dung không đồng ý di dời cây trồng và vật dụng ra khỏi phần đất của anh D. Ông T nại rằng phần đất có diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang là của cha ông để thừa kế lại cho ông từ năm 1975, ông đã sử dụng từ đó cho đến năm 1997 thì được Ủy ban nhân dân huyện GCĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các loại cây trồng trên đất có tuổi thọ trung bình từ 10 đến 40 năm, ông đã khai thác thu hoạch sản phẩm của các loại cây trồng nêu trên một cách công khai mà không bị ai ngăn cản. Xét lời khai nại này của ông T là không có cơ sở. Bởi, căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 158/2016/DSPT ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật xác định diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Phạm Văn D và chị Trần Thị M. Ngày 24/6/2016 Chi cục thi hành dân sự thị xã GC đã giao phần đất nêu trên cho anh D và chị M quản lý, sử dụng. Tại Thông báo số 805/TB-TA ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cũng thể hiện nội dung "*không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 158/2016/DSPT ngày 24/3/2016 nêu trên*" theo đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông Huỳnh Văn T (BL168). Như vậy, có căn cứ khẳng định phần đất 183,1m^2, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang là của anh D và chị M không phải đất của ông T như ông T trình bày. Tình tiết, sự kiện này được ghi nhận trong bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với 03 cây me và 01 cây trăm bầu các bên đương sự thống nhất do ông Huỳnh Văn M (cha ông T) trồng, nay ông M đã chết. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm ông T, bà A và bà T. Bà T và bà A không yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông M. Ông T cho rằng cây trồng và vật dụng trên đất thuộc

quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông và cha ông, nay cha ông chết thì ông được quyền quản lý. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản và 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kề. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người đang quản lý di sản đó*". Ông M chết năm 1977 đến nay đã hết thời hiệu thừa kế mà không ai yêu cầu chia thừa kế thì xác định 03 cây me và 01 cây trăm bầu hiện ông T đang quản lý thuộc về ông T.

Do các cây trồng và vật dụng kể trên này nằm trên phần đất của anh D, gây cản trở cho việc sử dụng đất của anh D nên yêu cầu khởi kiện của anh D là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy các cây trồng nêu trên được trồng trước khi anh D và ông T tranh chấp quyền sử dụng đất, khi trồng cây hoàn toàn ngay tình, gia đình anh D không có ý kiến gì, hơn nữa nếu chặt cây sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của cây nên cần giao cho anh D quản lý, sử dụng các cây trồng kể trên. Anh D có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền cho ông T theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Đối với 01 môtơ bơm nước và lưới giăng vịt gồm 03 đoạn, mỗi đoạn có chiều ngang 2,1m, chiều dài số đo 03 đoạn là 4,1m có thể tháo dỡ, di dời được nên cần buộc ông T tháo dỡ, di dời ra khỏi đất anh D như án sơ thẩm đã xử là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T không cung cấp được tài liệu gì mới chứng minh phần đất có diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Từ cơ sở phân tích tình tiết nội dung vụ án nhận thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 138/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148; Điều 227; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, Điều 281, Điều 357 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D.

Anh Phạm Văn D được quyền sở hữu: 02 cây me loại A, 01 cây me loại D, 01 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại B2, 02 cây dừa loại C, 01 cây trăm bầu đường kính gốc từ 30cm trở lên, 01 cây bạch đàn (dầu gió) có đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, 01 cây mai trắng đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, 01 bụi dâm bụt diện tích 1,6m^2, 01 bụi bông mũ (cẩm thạch) diện tích 0,8m^2 được trồng trên phần đất của anh Dũng có diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Anh D có nghĩa vụ giao lại giá trị cây trên đất cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền là 2.659.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời vật dụng gồm: 01 môtơ bơm nước và lưới giăng vịt gồm 03 đoạn, mỗi đoạn có chiều ngang 2,1m, chiều dài số đo 03 đoạn là 4,1m ra khỏi phần đất của anh D đang sử dụng diện tích 183,1m^2, loại đất ONT+CLN, thuộc thửa 829, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian thực hiện giao tiền, nhận cây và tháo dỡ, di dời vật dụng nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như bản án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Phạm Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 41615 ngày 22/02/2017 và biên lai số 41823 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành dân sự thị xã GC. Hoàn lại cho anh D số tiền 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 42049 ngày 11/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, được cấn trừ như vậy ông T còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX. Gò Công;
- Chi cục TX. Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hoàng Khải